

Bản án số: **31/2026/HS-ST**
Ngày 13 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Quý
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Thái Tăng Hữu và bà Hồ Thị Hải Thanh
- Thư ký phiên tòa:*** bà Đinh Thị Tường Vy – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: ông Trần Đức Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, tên gọi khác: **R**, sinh ngày 06/8/1995 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: khu phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị Bạch V, sinh năm 1962; vợ: Lê Thị Thúy P, sinh năm 1993; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không có. Về nhân thân: ngày 14/8/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, hiện đã xóa án tích (Bản án số 68/2012/HSST). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/8/2025 cho đến nay tại Phân Trại tạm giam Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Lê Thị Thúy P, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Võ Văn M, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn P, xã Á, tỉnh Quảng Trị. Hiện tạm giam tại phân trại tạm giam Đ, vắng mặt.

+ Anh Võ Phi T, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện tạm giam tại phân trại tạm giam Đ, vắng mặt.

+ Anh Phan Quốc C, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố C, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; Hiện tạm giam tại phân trại tạm giam Đ, vắng mặt.

+ Anh Trần Ngọc T1, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện tạm giam tại phân trại tạm giam Đ, vắng mặt.

+ Anh Trần Quốc L1, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố C, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; Hiện tạm giam tại phân trại tạm giam Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 18 giờ ngày 27/8/2025, Nguyễn Văn L tìm gặp một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) tại khu vực xã Đ, tỉnh Quảng Trị, mua 41 viên ma túy loại hồng phiến với giá 800.000 đồng. Sau đó, L đem số ma túy đó về nhà tại số A đường B thuộc khu phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị để cất giấu. Số ma túy trên L sẽ bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng ma túy để kiếm lời. Đến sáng ngày 28/8/2025, L đã có hành vi bán ma túy cho 05 người, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 28/8/2025, khi L đang ở nhà thì có Trần Ngọc T1, sinh năm 1983, trú tại khu phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Trị điều khiển xe mô tô đến nhà của L, hỏi mua 200.000 đồng ma túy tổng hợp loại hồng phiến. L nhận tiền rồi lấy 07 viên ma túy màu hồng đưa cho T1.

- Lần thứ hai: Đến khoảng 09 giờ 55 phút ngày 28/8/2025, Trần Quốc L1 (sinh năm 1992, trú tại khu phố C, phường Đ, tỉnh Quảng Trị) đến nhà của L hỏi mua 150.000 đồng ma túy tổng hợp loại hồng phiến. L nhận tiền rồi lấy 04 viên ma túy màu hồng giao cho L1.

- Lần thứ ba: Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/8/2025, Võ Văn M (sinh năm 1992, trú tại thôn P, xã Á, tỉnh Quảng Trị) điều khiển xe mô tô đến nhà của L, hỏi mua 150.000 đồng ma túy tổng hợp loại hồng phiến. L nhận tiền rồi lấy 05 viên ma túy màu hồng giao cho M.

- Lần thứ tư: Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 28/8/2025, Võ Phi T (sinh năm 1992, trú tại khu phố T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị) điều khiển xe mô tô đến nhà của L, hỏi mua 200.000 đồng ma túy tổng hợp loại hồng phiến. L nhận tiền rồi lấy 07 viên ma túy màu hồng giao cho T.

- Lần thứ năm: Đến khoảng 12 giờ ngày 28/8/2025, Phan Quốc C (sinh năm 1988, trú tại khu phố C, phường Đ, tỉnh Quảng Trị) điện thoại đến số của L, hỏi L có ở nhà không, để C đến mua 200.000 đồng ma túy thì được L thông báo đang ở nhà. Sau đó, C xin L số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền thanh toán. Do không có tài khoản ngân hàng, nên L đọc cho C số tài khoản của vợ L là chị Lê Thị Thúy P. Sau đó, C điều khiển xe mô tô đến nhà của L rồi chuyển số tiền 200.000 đồng đến số tài khoản do Long cung C1. Sau khi có thông báo nhận tiền, L lấy 06 viên ma túy màu hồng và 01 viên nén màu xanh (không có ma túy) giao cho C.

Sau khi bán được 29 viên ma túy, L tiếp tục cất giấu 12 viên còn lại tại nhà, nhằm mục đích tiếp tục bán để kiếm lời. Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, các đối tượng mua ma túy tại nhà L trong ngày 28/8/2025 đều bị bắt quả tang và khai nhận về toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Kết luận giám định số: 1127/KL-KTHS ngày 04/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: 12 viên nén màu hồng, hình trụ tròn gửi đến giám định có khối lượng **1,2458 gam** (một phẩy hai bốn năm tám gam) là ma túy loại Methamphetamine.

(Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất).

Cáo trạng số: 37/CT-VKSKV5 ngày 30/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L (R) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng:

- + Điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L: 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu:

- + Tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và bao bì đựng ma túy; 01 thẻ sim Vinaphone không có giá trị sử dụng.

- + Nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax. Đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách. Tịch thu số tiền 900.000 đồng bị cáo có được do hành vi bán ma túy.

- + Trả lại cho bị cáo số tiền còn lại: 820.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến gì về lời luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thúy P trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 01 điện thoại Iphone 13 Promax của chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại gì.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở xác định: Do thiếu tiền tiêu xài nên khoảng 18 giờ ngày 27/8/2025, Nguyễn Văn L tìm mua được 41 viên ma túy loại Methamphetamine, mục đích bán lại cho những người khác để kiếm lời. Đến sáng ngày 28/8/2025, bị cáo đã lần lượt bán cho 05 người gồm: Trần Ngọc T1 07 viên ma túy, Trần Quốc L1 04 viên ma túy, Võ Văn M 05 viên ma túy, Võ Phi T 07 viên ma túy và Phan Quốc C 06 viên ma túy. Sau khi bán cho các đối tượng xong, bị cáo cất giấu tại nhà 12 viên còn lại với mục đích sẽ bán tiếp để kiếm lời thì bị bắt giữ.

Tại bản Kết luận giám định số: 1127/KL-KTHS ngày 04/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: 12 viên nén màu hồng, hình trụ tròn gửi đến giám định có khối lượng **1.2458 gam** (một phẩy hai bốn năm tám gam) là ma túy loại Methamphetamine. (*Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất*). Như vậy, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác và phù hợp với lời khai của những người làm chứng nên có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025. Điều luật quy định: “1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...b) Phạm tội từ 02 lần trở lên”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: xét tính chất hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian khá dài mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[5] Về xử lý vật chứng và các đồ vật thu giữ:

[5.1] Số ma túy còn lại sau giám định; 01 miếng nylon màu đen, không rõ hình dạng, kích thước là (4,4x2,3)cm. Đây là vật cầm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[5.2] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu trắng bên trong có gắn 01 thẻ sim Vinaphone, đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bị cáo và vợ là chị Lê Thị Thúy P, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Riêng thẻ sim không có giá trị sử dụng, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[5.3] Số tiền thu giữ của bị cáo: 1.720.000 đồng, trong đó có 900.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy mà có, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 820.000 đồng, không liên quan đến tội phạm nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5.4] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của Trần Ngọc T1, Võ Văn M, Phan Quốc C, Võ Phi T và Trần Quốc L1, hiện đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiến hành điều tra trong các vụ án khác.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L (R) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L: 08 (T2) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 28/8/2025.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 Túi niêm phong có mã số MT1127, bên ngoài có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng K- Công an tỉnh Q;

+ 01 miếng nylon màu đen, không rõ hình dạng, kích thước là (4,4x2,3)cm;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu trắng. Riêng thẻ sim Vinaphone gắn trong chiếc điện thoại, tịch thu tiêu hủy.

+ 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L: 820.000 đồng (*Tám trăm hai mươi nghìn đồng*) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng hiện có tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2026. Riêng số tiền có tại tài khoản tạm giữ của THADS tỉnh Q theo Biên lai thu tiền số BLTT/26E 0000173 ngày 24/02/2026).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND KV 5;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS KV5;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý